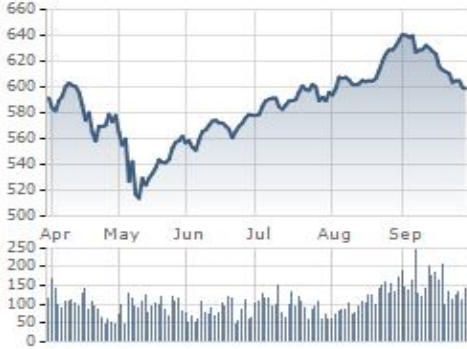


HOSE 01/10/2014

VNINDEX	609.27	10.48	1.75%
KLGD	183,011,333	CP	
GTGD	3,092.48	Tỷ	
GTR NDTNN	99.80	Tỷ	

CP Tăng giá	188	CP
CP Giảm giá	42	CP
CP Đứng giá	74	CP



HNX 01/10/2014

HNXINDEX	89.73	1.11	1.25%
KLGD	83,084,121	CP	
GTGD	1,105.77	Tỷ	
GTR NDTNN	-	2.40	Tỷ

CP Tăng giá	156	CP
CP Giảm giá	70	CP
CP Đứng giá	153	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	655.06	10.81	1.68%
HNX30	182.70	1.90	1.05%

Tâm điểm

- ▶ **Bật tăng mạnh với sự gia tăng của thanh khoản**
- ▶ **Thanh khoản thị trường có sự gia tăng trở lại**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 4,100 tỷ đồng
- ▶ **HSBC: Chỉ số PMI tăng do cải thiện mạnh mẽ điều kiện kinh doanh**
PMI tháng 9 tăng lên 51.7 điểm sau 4 tháng giảm liên tiếp
Vietnamplus
- ▶ **Economist: Tổng nợ công tăng 10%, mỗi người Việt gánh thêm 84 USD nợ công**
Ngày 30/9, tỷ lệ nợ công trên GDP của Việt Nam hiện ở mức 47.3%.
DVO/ The Economist
- ▶ **Kinh tế Anh tăng trưởng 0.9% trong quý 3**
GDP quý 3 tăng trưởng nhanh hơn dự báo nhờ đà phục hồi của nền kinh tế
DVO/ Bloomberg
- ▶ **FLC: 9 tháng hoàn thành 85% kế hoạch lợi nhuận năm**
Lũy kế 9 tháng đầu năm, tổng lợi nhuận của Công ty khoảng trên 300 tỷ đồng
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **MHC: 9 tháng ước lãi sau thuế 61.5 tỷ đồng**
Trong đó đóng góp đáng kể là khoản LNST riêng quý 3 ước đạt 42 tỷ đồng
Infonet/HSX

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,071,556	14.9	3.2	19.5%	10.6%
HNX	145,000	14.7	1.8	9.0%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,216,556	16.7	3.1	18.7%	9.9%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,435	6.8	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	19,933	9.1	1.5	16.5%	11.1%
Thép và sản phẩm thép	38,603	16.9	2.2	20.7%	9.5%
Khai khoáng	12,303	66.8	5.6	0.3%	0.0%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,549	15.9	1.4	11.4%	7.6%
Xây dựng	32,943	37.5	1.3	-2.2%	2.0%
Máy công nghiệp	9,096	9.6	1.5	15.1%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,160	8.8	1.6	18.9%	13.6%
Lốp xe	8,844	11.0	3.2	27.5%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	20,805	11.9	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	195,966	23.9	4.7	20.4%	16.0%
Dược phẩm	15,381	10.7	2.9	24.8%	16.3%
Phần mềm	18,177	11.3	2.3	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,677	-	6.1	-14.6%	0.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	207,619	17.0	5.6	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	27,355	22.4	2.4	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	29,186	14.7	1.7	9.5%	7.0%
Ngân hàng	238,440	11.0	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	164,488	16.7	2.7	20.8%	5.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	50,708	11.4	2.5	22.6%	9.5%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

HSBC: Chỉ số PMI tăng do cải thiện mạnh mẽ điều kiện kinh doanh

Economist: Tổng nợ công tăng 10%, mỗi người Việt gánh thêm 84 USD nợ công

Kinh tế Anh tăng trưởng 0.9% trong quý 3

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

FLC: 9 tháng hoàn thành 85% kế hoạch lợi nhuận năm

MHC: 9 tháng ước lãi sau thuế 61.5 tỷ đồng

ALP: Lỗ thêm 552 triệu đồng trong tháng 7 và 8/2014

► Tin kinh tế

Ngày 1/10, Ngân hàng HSBC Việt Nam và Công ty Markit Economics công bố Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) đã tăng từ mức 50.3 điểm trong tháng Tám lên 51.7 điểm trong tháng Chín. Như vậy, sau khi giảm 4 tháng liên tiếp, tháng Chín này PMI đã tăng 1.4 điểm. Kết quả chỉ số cho biết có sự cải thiện mạnh mẽ hơn về các điều kiện hoạt động trong lĩnh vực sản xuất so với tháng Tám, mặc dù mức độ cải thiện vẫn chỉ là khiêm tốn. Các điều kiện kinh doanh đã cải thiện hơn trong suốt 13 tháng qua.

Theo đồng hồ nợ công toàn cầu (GDC) do Tạp chí The Economist công bố hôm qua 30/9, tổng nợ công của Việt Nam xấp xỉ 84.32 tỷ USD. Tỷ lệ nợ công chiếm 47.3% GDP. Với dân số 90.96 triệu người, mỗi người Việt Nam hiện đang gánh khoảng 930 USD nợ công. Cuối tháng 9 năm ngoái, tổng nợ công của Việt Nam theo GDC là 76.24 tỷ USD. Như vậy, sau một năm tổng nợ công đã tăng 8.08 tỷ USD, tương đương tăng 10.6%. Bên cạnh đó, mỗi người Việt Nam gánh thêm 84 USD nợ công sau một năm (so với tổng nợ công trên đầu người trong năm ngoái là 846 USD/người).

Văn phòng thống kê quốc gia Anh cho biết, GDP của Vương quốc Anh tăng trưởng 0.9% trong quý 3, mức tăng trưởng nhanh nhất gần 1 năm. Số liệu công bố trước đó cho thấy, kinh tế Vương quốc Anh chỉ tăng trưởng 0.8%. Hiện tại, GDP của Vương quốc Anh cao hơn 2.7% so với đầu năm 2008 với tổng giá trị của cả nền kinh tế đạt 28 tỷ bảng Anh (45 tỷ USD). Sau báo cáo này, thị trường càng tin tưởng rằng, các nhà hoạch định chính sách của ngân hàng trung ương Anh (BOE) sẽ sớm lên kế hoạch tăng lãi suất từ mức thấp kỷ lục hiện tại. Một số chuyên gia cho rằng, BOE sẽ tăng lãi suất vào giữa năm 2015.

► Tin doanh nghiệp

Theo thông tin từ CTCP Tập đoàn FLC (HOSE: FLC), trong quý 3/2014, FLC đạt xấp xỉ 130 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, tổng lợi nhuận của Công ty khoảng trên 300 tỷ đồng, tương đương 85% kế hoạch năm là 350 tỷ đồng; gấp gần 5 lần cùng kỳ năm ngoái. Ông Doãn Văn Phương, Tổng giám đốc FLC cho biết, để đạt được mức lợi nhuận tăng trưởng như trên, FLC đã thúc đẩy đồng loạt các hoạt động kinh doanh, thương mại. Đặc biệt, thu nhập từ M&A của FLC trong năm nay cũng ghi nhận con số khá lớn, do giai đoạn trước công ty đã thực hiện M&A một số dự án với giá gốc thấp. Cũng theo ông Phương, quý 4/2014, FLC dự kiến có thể ghi nhận kết quả kinh doanh đột biến, do đây là thời điểm Tập đoàn mở bán nhiều sản phẩm bất động sản của nhiều dự án tại Hà Nội và các tỉnh.

Công ty cổ phần MHC (HOSE: MHC) công bố thông tin ước kết quả kinh doanh quý 3, dự kiến quý 4 năm 2014. Ngày 30/9/2014, HĐQT MHC đã họp phiên định kỳ thứ 27 và thông qua báo cáo hoạt động của Ban điều hành. Theo đó, trong riêng quý 3, MHC ước đạt 72.4 tỷ đồng doanh thu và 42 tỷ đồng LNST. Như vậy, 9 tháng đầu năm công ty ước đạt 124.3 tỷ đồng doanh thu và lãi sau thuế 61.5 tỷ đồng với sự đóng góp đáng kể của riêng quý 3. Sau 9 tháng, MHC đã hoàn thành vượt mức 53% kế hoạch doanh thu và gấp 3 lần kế hoạch lợi nhuận cả năm. Có vẻ quý 3 là quý khởi sắc của công ty. Dự kiến kết quả kinh doanh quý 4 của MHC chỉ đạt 22.4 tỷ đồng Tổng doanh thu và 5 tỷ đồng LNST.

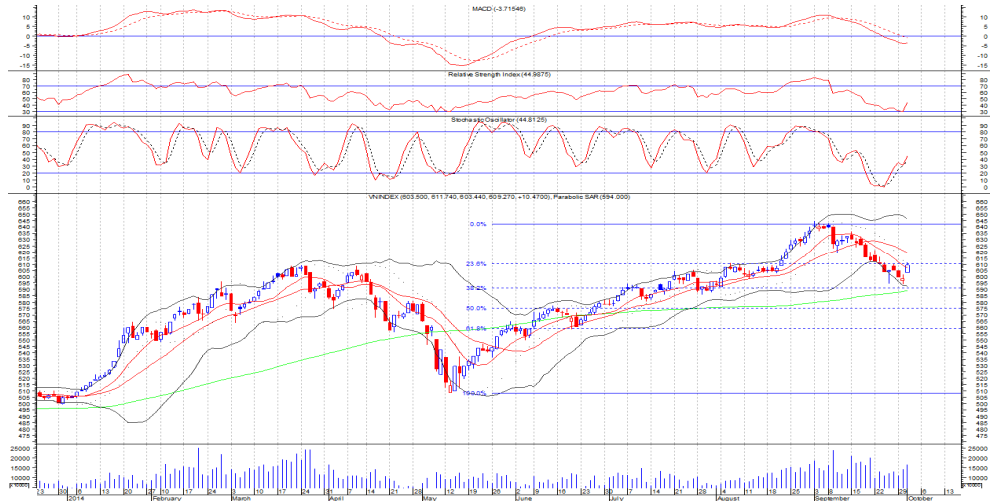
CTCP Đầu tư Alphanam (HOSE: ALP) vừa thông qua kết quả kinh doanh sơ bộ hai tháng 7 và 8 với doanh thu là 42.9 tỷ đồng và lỗ thêm 552 triệu đồng. Được biết 6 tháng đầu năm 2014, ALP đã lỗ 108.6 tỷ đồng. Nguyên nhân được ALP đưa ra là do phải trích lập các dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi, dự phòng các khoản đầu tư tài chính và phân bổ lợi thế thương mại. Đồng thời tình hình kinh tế khó khăn cũng đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của hệ thống Công ty.

HOSE 01/10/2014 VNINDEX 609.27 10.48 1.75% 183,011,333 CP 3,092.48 bil VND

Bật tăng mạnh với sự gia tăng của thanh khoản

VN-Index tăng 10.47 điểm (+1.75%), đóng cửa tại mức 609,27 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, VN-Index tăng điểm rất tích cực và đóng cửa ở mức cao trong phiên.

- MACD dừng đà giảm và có dấu hiệu gia tăng trở lại, dù chưa cho tín hiệu mua nhưng đây là một dấu hiệu tích cực.
- Stochastic Oscillator dừng gia tăng trở lại.
- Parabolic SAR cho tín hiệu mua trở lại. Đây là tín hiệu rất tích cực.
- Nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm nếu lực cầu vẫn duy trì tốt.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.5 (4.3%)	17,947,170
ITA	0.2 (2.3%)	13,576,450
HAG	1.1 (4.5%)	11,977,320
KBC	1 (6.7%)	10,717,590
VHG	0.4 (3.3%)	5,764,870

HOSE Top 5 theo % tăng

PNC	0.6 (7.0%)	28,370
TIX	1.4 (7.0%)	1,100
THG	0.8 (6.9%)	25,970
SAV	0.9 (6.9%)	2,250
KSS	0.4 (6.8%)	2,657,980

HOSE Top 5 theo % giảm

LGC	-1.8 (-6.9%)	1,445,240
SGT	-0.3 (-6.5%)	2,020
HAI	-2.6 (-6.1%)	281,700
SVI	-2.2 (-5.5%)	140
HVX	-0.3 (-5.2%)	20

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KBC	160,5 tỷ	11,163,350
CNG	7,6 tỷ	200,000
DRC	6,1 tỷ	99,420
KDC	4,7 tỷ	78,910
TDH	3,6 tỷ	196,010

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

GAS	-25,9 tỷ	239,840
VCB	-13,0 tỷ	490,980
VIC	-12,0 tỷ	245,740
HPG	-11,5 tỷ	198,850
SSI	-9,3 tỷ	297,090

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	10,055,670	99.80

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch tích cực ngay đầu phiên hôm nay, các trụ đỡ liên tục tăng gia tạo hiệu ứng lan tỏa cả sàn. VN-Index tăng điểm tích cực gần 2%.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 168 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng cùng với sự gia tăng của chỉ số là một tín hiệu tích cực đối với thị trường.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 99,8 tỷ. Khối này mua trở lại sau 2 phiên bán liên tục, mua nhiều ở mã KBC.
- ▶ VN-Index sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 610 điểm. Với sự tích cực của dòng tiền hôm nay, chúng tôi tin tưởng vào một đợt hồi phục mới của chỉ số này.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục mua nếu thanh khoản vẫn gia tăng tốt, tập trung vào nhóm cổ phiếu BĐS, chứng khoán.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	109.0	206,555.00	17.4	5.7	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	107.0	107,012.69	17.2	5.7	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	26.4	70,356.54	15.1	1.6	10.6%	1.0%
VIC	1,420.3	49.5	70,305.41	14.1	3.9	27.6%	6.2%
MSN	735.8	83.0	61,072.08	-1,483.9	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.4	53,617.03	9.2	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.8	38,794.60	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	101.0	30,606.73	12.5	2.7	22.7%	10.7%
HPG	481.9	58.0	27,950.67	9.9	2.6	28.3%	12.8%
BVH	680.5	40.3	27,423.00	22.4	2.4	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

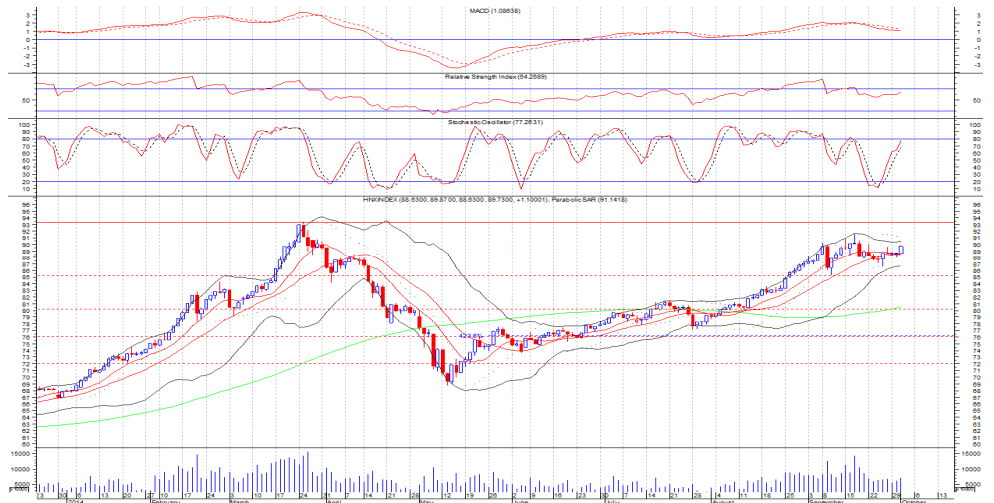
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.5	4,477.51	18.1	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	53.5	18,398.34	11.2	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	21.3	2,460.73	8.0	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.0	668.25	4.0	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	27.0	745.47	2.9	1.1	NA	TH.DOI

HNX 01/10/2014 HNX-Index 89.73 1.11 1.25% 83,084,121 CP 1,105.77 bil. VND

Bật tăng mạnh với sự gia tăng của thanh khoản

Chỉ số HNX-Index tăng 1.11 điểm (+1.25%), đóng cửa tại mốc 89.73 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến dài, tăng điểm tích cực sau 3 cây nến lưỡng lự liên tục. Đây là một dấu hiệu rất tốt của thị trường.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua trở lại tiếp tục gia tăng mạnh.
- MACD dừng đà giảm và quay đầu gia tăng trở lại.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 60.
- Đà tăng nếu tiếp tục được duy trì cùng sự gia tăng của thanh khoản là một tín hiệu tích cực cho thị trường ở những phiên tới.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0 (0.0%)	8,647,470
PVX	0.1 (1.5%)	7,181,930
KLF	0.5 (4.1%)	6,127,040
SCR	0.4 (3.9%)	6,125,100
KLS	0.2 (1.6%)	3,446,530

HNX Top 5 theo % tăng

KSQ	0.8 (10.0%)	137,200
MIM	0.5 (10.0%)	100
PPG	0.3 (10.0%)	400
SDG	1.9 (10.0%)	100
SSG	0.2 (10.0%)	1,100

HNX Top 5 theo % giảm

CJC	-2.5 (-10.0%)	100
CT6	-0.8 (-10.0%)	500
L62	-0.5 (-10.0%)	100
QTC	-2.7 (-10.0%)	27,900
PRC	-1.2 (-9.8%)	2,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	1,4 tỷ	157,000
SDT	0,9 tỷ	55,000
API	0,7 tỷ	58,600
SCR	0,5 tỷ	50,000
KSQ	0,4 tỷ	46,100

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-4,8 tỷ	114,400
LAS	-1,2 tỷ	35,000
SD9	-0,9 tỷ	56,900
HLD	-0,4 tỷ	22,000
PVC	-0,3 tỷ	8,700

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	224,691	- 2.40

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch tích cực ngay đầu phiên hôm nay, các trụ đỡ liên tục tăng gia tạo hiệu ứng lan tỏa cả sàn. HNX-Index tăng điểm tích cực hơn 1%.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 72 triệu đơn vị. Thanh khoản gia tăng cùng với sự tăng của chỉ số là một tín hiệu tích cực đối với thị trường.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 2,4 tỷ. Tập trung bán nhiều ở PVS, LAS. Trong khi mua nhiều ở SHB
- ▶ HNX-Index sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 90 điểm. Với sự tích cực của dòng tiền hôm nay, chúng tôi tin tưởng vào một đợt hồi phục mới của chỉ số này.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục mua nếu thanh khoản vẫn gia tăng tốt, tập trung vào nhóm cổ phiếu BĐS, chứng khoán.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	41.5	18,538.07	10.1	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	9.5	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.3	6,316.46	10.9	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	83.6	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.2	4,097.88	14.3	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	22.0	2,883.67	9.6	1.2	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.9	2,760.00	2.2	3.7	-128.0%	-7.7%
LAS	77.8	34.1	2,654.07	6.8	1.8	27.5%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.9	1,402.20	8.7	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.1	637.56	6.2	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.6	1,659.98	15.0	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.5	2,619.78	6.9	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	35.0	1,750.00	10.2	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.5	342.56	6.8	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	70,305.41	15.75%	49.5	14.10	3.89	2,819,607	2,712,649	1,604,685
HPG	HOSE	481.9	27,950.67	13.53%	58.0	9.90	2.61	804,381	864,728	896,818
PVD	HOSE	303.0	30,606.73	11.69%	101.0	12.53	2.65	619,574	720,542	475,109
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	11.42%	83.0	#####	4.22	257,625	238,587	258,169
HAG	HOSE	789.9	20,142.43	8.11%	25.5	16.51	1.41	3,942,702	3,204,138	2,959,893
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.47%	19.1	7.91	1.28	825,467	607,972	398,112
VCB	HOSE	2,665.0	70,356.54	5.75%	26.4	15.13	1.56	681,627	622,942	448,322
DPM	HOSE	379.9	11,701.98	4.79%	30.8	9.06	1.28	1,198,772	1,417,248	1,221,711
ITA	HOSE	718.9	6,470.15	2.96%	9.0	68.19	0.81	7,093,359	8,995,778	6,601,080
KBC	HOSE	389.8	6,236.16	2.57%	16.0	25.60	1.15	4,790,679	4,280,897	2,436,320
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	2.30%	40.3	22.39	2.35	510,931	332,924	209,790
HSG	HOSE	96.3	4,237.78	2.06%	44.0	13.09	1.80	162,479	210,392	169,289
GMD	HOSE	116.1	4,239.04	1.83%	36.5	8.21	0.86	1,633,813	1,079,194	521,126
PPC	HOSE	318.2	8,112.94	1.68%	25.5	16.46	1.60	1,154,899	1,001,243	768,967
HVG	HOSE	132.0	4,144.79	1.56%	31.4	34.27	1.73	2,073,087	2,328,156	1,250,406
CSM	HOSE	67.3	3,135.81	1.50%	46.6	8.68	2.62	347,521	343,981	330,348
PVT	HOSE	255.9	4,477.51	1.48%	17.5	18.13	1.50	2,609,140	2,733,824	2,057,358
DRC	HOSE	83.1	5,109.04	1.48%	61.5	13.64	3.70	292,914	249,704	232,965
VSH	HOSE	206.2	3,031.75	1.31%	14.7	14.26	1.12	637,222	869,527	729,126
DIG	HOSE	178.7	2,770.53	1.01%	15.5	72.99	1.13	1,806,647	1,046,179	477,525
OGC	HOSE	300.0	3,720.00	0.76%	12.4	45.03	1.16	4,230,502	4,155,687	2,576,442

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	70,305.41	8.28%	49.5	14.10	3.89	2,819,607	2,712,649	1,604,685
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	8.09%	83.0	#####	4.22	257,625	238,587	258,169
VCB	HOSE	2,665.0	70,356.54	6.66%	26.4	15.13	1.56	681,627	622,942	448,322
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	6.34%	19.1	7.91	1.28	825,467	607,972	398,112
PVS	HNX	446.7	18,538.07	5.45%	41.5	10.12	2.15	5,425,061	5,137,655	3,784,811
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	4.54%	40.3	22.39	2.35	510,931	332,924	209,790
DPM	HOSE	379.9	11,701.98	4.18%	30.8	9.06	1.28	1,198,772	1,417,248	1,221,711
PVD	HOSE	303.0	30,606.73	4.04%	101.0	12.53	2.65	619,574	720,542	475,109
HAG	HOSE	789.9	20,142.43	3.68%	25.5	16.51	1.41	3,942,702	3,204,138	2,959,893
ITA	HOSE	718.9	6,470.15	2.96%	9.0	68.19	0.81	7,093,359	8,995,778	6,601,080
PPC	HOSE	318.2	8,112.94	2.75%	25.5	16.46	1.60	1,154,899	1,001,243	768,967
FLC	HOSE	314.9	3,841.71	2.56%	12.2	8.02	1.00	17,976,967	19,931,026	16,841,900
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.53%	9.2	9.54	0.76	4,488,160	5,629,817	4,820,920
VCG	HNX	441.7	6,316.46	2.03%	14.3	10.88	1.12	2,314,723	1,824,411	1,157,516
OGC	HOSE	300.0	3,720.00	1.69%	12.4	45.03	1.16	4,230,502	4,155,687	2,576,442
PVT	HOSE	255.9	4,477.51	1.61%	17.5	18.13	1.50	2,609,140	2,733,824	2,057,358
DRC	HOSE	83.1	5,109.04	0.95%	61.5	13.64	3.70	292,914	249,704	232,965
IJC	HOSE	274.2	3,811.30	0.62%	13.9	22.87	1.31	1,548,948	2,252,161	2,171,083
PVX	HNX	400.0	2,760.00	0.00%	6.9	- 2.20	3.67	11,045,741	11,480,967	8,793,425

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	70,305.41	0.00%	49.5	14.10	3.89	2,819,607	2,712,649	1,604,685
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.00%	83.0	#####	4.22	257,625	238,587	258,169
DPM	HOSE	379.9	11,701.98	0.00%	30.8	9.06	1.28	1,198,772	1,417,248	1,221,711
HAG	HOSE	789.9	20,142.43	0.00%	25.5	16.51	1.41	3,942,702	3,204,138	2,959,893
VCB	HOSE	2,665.0	70,356.54	0.00%	26.4	15.13	1.56	681,627	622,942	448,322
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.00%	19.1	7.91	1.28	825,467	607,972	398,112
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	0.00%	40.3	22.39	2.35	510,931	332,924	209,790
CTG	HOSE	3,723.4	53,617.03	0.00%	14.4	9.20	1.00	412,591	422,196	365,863
GAS	HOSE	1,895.0	206,555.00	0.00%	109.0	17.36	5.69	458,793	352,831	331,909

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.88%	83.0	#####	4.22	257,625	238,587	258,169
VIC	HOSE	1,420.3	70,305.41	0.56%	49.5	14.10	3.89	2,819,607	2,712,649	1,604,685
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.31%	19.1	7.91	1.28	825,467	607,972	398,112
VCB	HOSE	2,665.0	70,356.54	0.24%	26.4	15.13	1.56	681,627	622,942	448,322
DPM	HOSE	379.9	11,701.98	0.15%	30.8	9.06	1.28	1,198,772	1,417,248	1,221,711
BVH	HOSE	680.5	27,423.00	0.08%	40.3	22.39	2.35	510,931	332,924	209,790

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,435	6.8	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	19,933	9.1	1.5	16.5%	11.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,773	26.0	1.0	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	859	7.5	1.0	13.0%	6.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,603	16.9	2.2	20.7%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,885	3.2	0.8	24.6%	5.3%
Khai khoáng	12,303	66.8	5.6	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,549	15.9	1.4	11.4%	7.6%
Xây dựng	32,943	37.5	1.3	-2.2%	2.0%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,174	8.2	1.2	16.4%	8.3%
Công nghiệp phức hợp	963	8.0	1.9	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,353	6.8	0.9	13.8%	6.1%
Thiết bị điện	1,904	19.4	1.2	1.6%	0.0%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	14.0	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	9,096	9.6	1.5	15.1%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,716	3.4	1.2	4.2%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,160	8.8	1.6	18.9%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,239	8.0	1.6	18.7%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,813	12.0	2.1	15.7%	7.6%
Đào tạo & Việc làm	232	9.6	0.8	9.0%	3.1%
Nhà cung cấp thiết bị	182	8.1	0.8	11.0%	4.5%
Chất thải & Môi trường	177	2.7	0.8	35.2%	16.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,064	18.1	1.2	11.8%	6.3%
Lốp xe	8,844	11.0	3.2	27.5%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,589	8.0	1.3	15.6%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	304	13.5	2.1	16.4%	10.3%
Đồ uống & giải khát	226	6.5	1.1	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,805	11.9	1.8	16.8%	6.2%
Thực phẩm	195,966	23.9	4.7	20.4%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	83	20.9	1.0	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,507	8.4	1.3	14.8%	7.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	606	47.8	1.5	3.1%	2.2%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,554	9.4	1.8	18.2%	7.2%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,667	10.5	2.0	18.0%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	744	8.3	1.1	-1.1%	3.8%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		1,006	16.4	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế		164	3.3	1.8	38.1%	16.3%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		189	8.6	1.1	13.4%	9.8%
Dược phẩm		15,381	10.7	2.9	24.8%	16.3%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		252	47.4	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		721	11.1	1.2	13.1%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,974	11.0	1.9	17.4%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,125	9.9	1.0	10.7%	7.4%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,717	73.3	2.6	2.9%	1.8%
Dịch vụ giải trí		3,492	15.0	1.3	13.6%	11.3%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,691	20.5	3.4	23.3%	20.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		704	16.9	0.9	5.6%	2.0%
Internet		340	71.7	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm		18,177	11.3	2.3	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		502	17.4	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng		286	4.9	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông		13,049	33.8	7.8	33.9%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		25,677	-	6.1	1.4	-14.6%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		207,619	17.0	5.6	33.0%	22.6%
Nước		1,264	6.8	1.1	17.0%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,305	7.5	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,886	12.4	0.8	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm		3,015	9.6	1.2	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		27,355	22.4	2.4	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,837	46.3	1.2	2.6%	0.8%
Môi giới chứng khoán		29,186	14.7	1.7	9.5%	7.0%
Ngân hàng						
Ngân hàng		238,440	11.0	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		164,488	16.7	2.7	20.8%	5.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		13	3.3	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		50,708	11.4	2.5	22.6%	9.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.